

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 27/2019/DS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2019
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huy.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mỹ và ông Nguyễn Như Quang.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 49/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Khu C, bán đảo L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội;
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Xuân Tr – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: số X, đường H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; theo quyết định ủy quyền số 24/QĐ-NHCS ngày 22/6/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn G – P (trước đây là thôn P), xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 09/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Xuân Trường trình bày như sau:

Ngân hàng C có cho hộ gia đình ông Trần Hậu S, bao gồm ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H vay vốn theo hai chương trình vay, cụ thể như sau:

Cho vay theo chương trình vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo với số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 0,6875%/tháng (8,25%/năm), lãi suất quá hạn 0,89375%/tháng (10,725%/năm), đã giải ngân vào ngày 28/09/2017, thời hạn trả nợ đến ngày 28/09/2022. Các bên thỏa thuận trả nợ gốc chia làm năm lần, 12 tháng/lần, mỗi lần 8.000.000 đồng, trả nợ lãi hàng tháng. Ông S và bà H chỉ trả lãi đến ngày 13/11/2018 là 3.734.604 đồng, chưa trả tiền gốc.

Cho vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 0,75%/tháng (9%/năm), lãi suất quá hạn 0,975%/tháng (11,7%/năm), đã giải ngân vào ngày 14/01/2017, thời hạn trả nợ đến ngày 14/01/2020. Các bên thỏa thuận trả nợ gốc chia làm 5 lần, 06 tháng/lần, mỗi lần 2.400.000 đồng, trả nợ lãi hàng tháng. Ông S và bà H chỉ trả lãi đến ngày 13/11/2018 là 1.993.230 đồng, chưa trả tiền gốc.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi hàng tháng và đã bỏ đi khỏi địa phương. Do đó, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền vay, cụ thể:

- Tiền vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo: Tiền nợ gốc 40.000.000đ, nợ lãi tính từ ngày 14/11/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 8,25%/năm là 2.468.219đ.

- Tiền vay theo chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn: Tiền nợ gốc 12.000.000đ, nợ lãi tính từ ngày 14/11/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 9%/năm là 807.781đ.

- *Ý kiến của bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- *Kết quả xác minh của Tòa:* Bị đơn có cư trú tại làng G – P, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo địa chỉ mới.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo kết quả xác minh của Tòa án thì bị đơn có địa chỉ cư trú đúng với địa chỉ nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hồ sơ vay tiền. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú, không xác định thời điểm trở về, không thông báo cho

nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo và các văn bản tố tụng tại nơi cư trú nêu trên, đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung được quy định tại Điều 177 và Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn đã được tổng đạt đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối, đồng thời các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vay tiền là Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (BL08, 09), giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn (BL04) có xác nhận của UBND xã B. Do đó, có căn cứ xác định các chứng cứ và các tình tiết mà nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật.

[4] Ngân hàng cho vay theo chương trình cho vay đối với đối tượng chính sách về tín dụng thực hiện chiến lược quốc gia về cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn và chương trình Hộ mới thoát nghèo. Chủ thể cho vay là hộ gia đình, do ông S trực tiếp thực hiện việc xác lập, thực hiện giao dịch. Bà H có văn bản ủy quyền cho ông S xác lập giao dịch vay tiền. Do đó, người có nghĩa vụ trả nợ tiền vay cho Ngân hàng C là ông S và bà H theo quy định tại Điều 101 của Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Theo giấy đề nghị vay vốn thì thời hạn trả nợ hai khoản vay chưa đến hạn, tuy nhiên bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, nên có căn cứ xác định bị đơn đã không còn sử dụng tiền vay đúng mục đích vay là để cải tạo, chăm sóc vườn cà phê, cố tình che giấu địa chỉ, cung cấp thông tin sai sự thật, đồng thời đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi. Do đó, nguyên đơn có quyền khởi kiện, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận phù hợp với quy định tại các điều 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn, sổ lưu từ rời theo dõi việc cho vay, bảng kê tính tiền lãi của Ngân hàng C cung cấp thì tiền gốc và tiền lãi đối với hai khoản vay được xác định cụ thể:

- Tiền vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo: Tiền nợ gốc 40.000.000đ; lãi tính từ ngày 29/9/2017 đến ngày 31/12/2017 (94 ngày) theo mức lãi suất 0,6875%/tháng là $40.000.000đ \times 0,6875\%/30 \times 94 =$ 861.667đ, lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử 14/8/2019 (591 ngày) theo mức lãi suất 8,25%/năm là $(40.000.000đ \times 8,25\%/365 \times 591 =)$ 5.343.288đ, đã trả 3.734.604đ, còn phải trả 2.470.351đ, tổng cộng 42.470.351đ.

- Tiền vay theo chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn:

Tiền nợ gốc 12.000.000đ, nợ lãi tính từ ngày 15/01/2017 đến ngày 31/12/2017 (351 ngày) theo mức lãi suất 0,75%/tháng là $(12.000.000đ \times 0,75\%/30 \times 351=)$ 1.053.000đ, lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử 14/8/2019 theo mức lãi suất 9%/năm là $(12.000.000đ \times 9\%/365 \times 591=)$ 1.748.712đ, đã trả 1.993.230đ, còn phải trả 808.482đ; tổng cộng 12.808.482đ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể đối với chương trình vay hộ mới thoát nghèo 42.468.219đ, chương trình vay nước sạch và vệ sinh môi trường 12.807.781đ, tổng cộng 55.276.000đ. Ngoài ra, kể từ tiếp theo ngày xét xử, bị đơn còn phải chịu tiền lãi đối với nghĩa vụ chậm trả tiền theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận.

[10] Về án phí: Bị đơn phải chịu 2.763.800đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 39, 40, 147, 192, 227, 228 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 101 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo là 42.468.219đ (bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm mười chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận là 10,725%/năm.

2. Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 12.807.781đ (mười hai triệu tám trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm tám mươi mốt).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận là 11,7%/năm.

3. Ông Trần Hậu S và bà Nguyễn Thị H phải liên đới nộp số tiền 2.763.800đ (hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy